

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH  
Quý IV năm tài chính 2013

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11,472,004,778	11,001,378,473	101,698,361,356	117,912,299,539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		106,507,603	118,620,529	440,906,913	605,363,135
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		11,365,497,175	10,882,757,944	101,257,454,443	117,306,936,404
4. Giá vốn hàng bán	11		7,070,026,124	8,050,612,126	83,369,689,450	95,061,134,798
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		4,295,471,051	2,832,145,818	17,887,764,993	22,245,801,606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		198,176,626	618,856,856	834,790,090	893,582,791
7. Chi phí tài chính	22		-246,831	-44,000,000	-246,831	-40,720,389
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-9,854,172	0	0	0
8. Chi phí bán hàng	24		2,082,639,044	1,443,907,977	6,855,495,947	6,834,955,812
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,647,137,837	1,755,490,869	5,748,183,163	6,411,477,392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		764,117,627	295,603,828	6,119,122,804	9,933,671,582
11. Thu nhập khác	31		118,999	1,206,398,425	18,209,908	1,219,600,244
12. Chi phí khác	32		802,857	79,084	802,857	79,084
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-683,858	1,206,319,341	17,407,051	1,219,521,160
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		763,433,769	1,501,923,169	6,136,529,855	11,153,192,742
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		700,696,333	-463,262,019	776,703,033	1,949,555,375
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		62,737,436	1,965,185,188	5,359,826,822	9,203,637,367
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0	0	0	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		0	0	0	0
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		0	0	0	0

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT Quý IV năm tài chính 2013

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		91,507,621,570	76,684,872,693
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-76,457,761,320	-43,278,112,485
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-4,002,052,225	-3,861,120,917
4. Tiền chi trả lãi vay	04		0	0
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-288,754,712	-3,337,038,816
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,252,376,693	1,798,088,654
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-8,809,127,479	-4,624,906,132
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3,202,302,527</b>	<b>23,381,782,997</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			0	0
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-1,790,773,732	-6,634,993,067
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		18,090,909	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-7,000,000,000	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		365,906,358	476,356,076
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-8,406,776,465</b>	<b>-6,158,636,991</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			0	0
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4,465,000,000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	-2,139,638,940
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	-2,035,000,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	-51,699,262
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4,465,000,000</b>	<b>-4,226,338,202</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>-739,473,938</b>	<b>12,996,807,804</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15,350,780,165	2,822,332,441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>14,611,306,227</b>	<b>15,819,140,245</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Quý IV năm tài chính 2013

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48,486,725,215</b>	<b>52,909,276,582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14,410,730,227</b>	<b>15,350,780,165</b>
1. Tiền	111		4,910,730,227	2,350,780,165
2. Các khoản tương đương tiền	112		9,500,000,000	13,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>332,000,000</b>	<b>316,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		468,360,080	468,360,080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-136,360,080	-152,360,080
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17,994,738,197</b>	<b>18,611,065,683</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12,787,558,055	14,878,063,426
2. Trả trước cho người bán	132		5,963,741,129	4,217,408,779
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135		44,203,333	67,000,000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-800,764,320	-551,406,522
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14,929,466,383</b>	<b>17,737,579,820</b>
1. Hàng tồn kho	141		17,556,154,583	19,915,317,800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-2,626,688,200	-2,177,737,980
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>819,790,408</b>	<b>893,850,914</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10,000,000	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		251,234,643	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		185,375,518	515,273,448
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		373,180,247	378,577,466
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18,962,584,280</b>	<b>17,095,204,216</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17,478,368,065</b>	<b>15,955,167,716</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>410,462,087</b>	<b>349,127,743</b>
- Nguyên giá	222		1,545,038,426	1,457,789,590

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-1,134,576,339	-1,108,661,847
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>6,455,391,809</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	228		6,455,391,809	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>		<b>10,612,514,169</b>	<b>15,606,039,973</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>840,000,000</b>	<b>840,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		840,000,000	840,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>644,216,215</b>	<b>300,036,500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		644,216,215	300,036,500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>67,449,309,495</b>	<b>70,004,480,798</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12,748,271,679</b>	<b>19,181,825,120</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12,748,271,679</b>	<b>19,181,825,120</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312		6,693,157,391	12,946,247,390
3. Người mua trả tiền trước	313		144,721,282	2,023,093,633
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		91,361,290	61,784,908
5. Phải trả người lao động	315		1,308,170,283	1,723,943,272
6. Chi phí phải trả	316		3,992,556,511	2,273,523,939
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		187,386,201	142,160,757
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		330,918,721	11,071,221
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54,701,037,816</b>	<b>50,822,655,678</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>54,701,037,816</b>	<b>50,822,655,678</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		41,370,000,000	41,370,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,712,000,000	140,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-2,035,282,090	-5,651,552,090
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,862,449,329	2,862,449,329
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,517,632,156	1,517,632,156
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9,274,238,421	10,584,126,283
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>67,449,309,495</b>	<b>70,004,480,798</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản thuê ngoài	1		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	2		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	3		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	4		0	0
5. Ngoại tệ các loại	5		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	6		0	0

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03 tháng 08 năm 2012 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.  
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty.

### **1. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**3. Các chính sách kế toán áp dụng****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### 4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Chi phí đi vay

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kết thúc niên độ.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: thuộc đối tượng không chịu thuế.
- ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%.
- ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.15 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

### 1. Tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	24,254,498	226,597,983
Tiền gửi ngân hàng	4,886,475,729	2,124,182,182
Tiền gửi có kỳ hạn	9,500,000,000	13,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>14,410,730,227</b>	<b>15,350,780,165</b>

## 5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn 40.000	468,360,080	468,360,080
+ Cổ phiếu Cty CP Sách Giáo dục TP Hà Nội (EBS) 40.000	468,360,080	468,360,080
Đầu tư ngắn hạn khác		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(136,360,080)	(152,360,080)
<b>Cộng</b>	<b>332,000,000</b>	<b>316,000,000</b>

### 6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	800,764,320	551,406,522
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		
<b>Cộng</b>	<b>800,764,320</b>	<b>551,406,522</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1,846,011,100	3,645,329,739
Chi phí SX, KD dở dang	4,352,166,070	1,438,534,788
Thành phẩm	11,357,977,413	14,831,453,273
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2,626,688,200)	(2,177,737,980)
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>14,929,466,383</b>	<b>17,737,579,820</b>

### 8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
--	-------------------	-------------------

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế TNDN nộp thừa		201,308,814
Thuế tài nguyên nộp thừa		
Thuế GTGT nộp thừa		313,964,634
Các khoản khác phải thu nhà nước	185,375,518	
<b>Cộng</b>	<b>185,375,518</b>	<b>515,273,448</b>

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	9,942,167	121,537,472
Ký quỹ ngắn hạn	363,238,080	257,039,994
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
<b>Cộng</b>	<b>373,180,247</b>	<b>378,577,466</b>

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm		1,457,789,590	1,457,789,590
Mua sắm trong kỳ		365,400,000	365,400,000
Giảm trong kỳ		278,151,164	278,151,164
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1,545,038,426</b>	<b>1,545,038,426</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	1,108,661,847	1,108,661,847
Khấu hao trong kỳ	222,210,645		222,210,645
Giảm trong kỳ		196,296,153	196,296,153
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>222,210,645</b>	<b>912,365,694</b>	<b>1,134,576,339</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	-	349,127,743	349,127,743
Số cuối kỳ	<u>(222,210,645)</u>	<u>632,672,732</u>	<u>410,462,087</u>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	10,612,514,169	15,606,039,973
<b>Cộng</b>	<b><u>10,612,514,169</u></b>	<b><u>15,606,039,973</u></b>

### 12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí tổ chức bán thảo	603,288,709	300,036,500
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40,927,506	-
<b>Cộng</b>	<b><u>644,216,215</u></b>	<b><u>300,036,500</u></b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	37,214,184	
Thuế thu nhập cá nhân	54,147,106	61,784,908
<b>Cộng</b>	<b><u>91,361,290</u></b>	<b><u>61,784,908</u></b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 14. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
--	-------------------	-------------------

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Trích trước chi phí bản thảo phải trả cho NXB	2,894,569,632	1,629,192,269
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	972,986,879	604,331,670
Chi phí khác	125,000,000	40,000,000
<b>Cộng</b>	<b>3,992,556,511</b>	<b>2,273,523,939</b>

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### 15.2 Chi tiết vốn đầu tư của CSH

	31/12/2013			31/12/2012		
	Tổng số	Vốn cổ phần	Tỷ lệ	Tổng số	Vốn cổ phần	Tỷ lệ
	VND	VND		VND	VND	
Vốn đầu tư của NXBGD	6,320,000,000	6,320,000,000	15.28	10,770,000,000	10,770,000,000	26.03
Vốn của các cổ đông khác	22,422,000,000	22,422,000,000	54.20	30,250,000,000	30,250,000,000	73.12
Cổ phiếu ngân quỹ	12,628,000,000	12,628,000,000	30.52	350,000,000	350,000,000	0.85
<b>Cộng</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>100</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>100</b>

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2012	41,370,000,000 0	(2,144,544,050)	2,862,449,329	1,517,632,156	4,850,366,548
Tăng trong năm	-	(3,507,008,040)	0	-	8,803,359,735
Giảm trong năm	-	-	-	-	3,069,600,000
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>41,370,000,000</b>	<b>(5,651,552,090)</b>	<b>2,862,449,329</b>	<b>1,517,632,156</b>	<b>10,584,126,283</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Số dư tại 01/01/2013	41,370,000,000	(5,651,552,090)	2,862,449,329	1,517,632,156	10,584,126,283
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	16,003,243,087
Giảm trong kỳ	-	(3,616,270,000)	-	-	17,313,130,949
Số dư tại 31/12/2013	<u>41,370,000,000</u>	<u>(2,035,282,090)</u>	<u>2,862,449,329</u>	<u>1,517,632,156</u>	<u>9,274,238,421</u>

### 16. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vốn góp của nhà nước		
Vốn góp của các đối tượng khác	(41,370,000,000)	(41,370,000,000)
<b>Cộng</b>	<b><u>(41,370,000,000)</u></b>	<b><u>(41,370,000,000)</u></b>

### b. Cổ phiếu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4,137,000	4,137,000
- Cổ phiếu thường	4,137,000	4,137,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	281,400	781,400
- Cổ phiếu thường	281,400	781,400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,855,600	3,355,600
- Cổ phiếu thường	3,855,600	3,355,600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3,914,411,599	1,781,516,548
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5,359,826,822	8,802,609,735



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

9,274,238,421

10,584,126,283

### 17. Doanh thu

	Quý 4 năm 2013 VND	Quý 4 năm 2012 VND
Tổng doanh thu	11,472,004,778	11,001,378,473
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	11,444,100,195	10,892,813,190
+ Doanh thu hoạt động khác	27,904,583	108,565,283
Các khoản giảm trừ doanh thu	106,507,603	118,620,529
+ Hàng bán bị trả lại	106,507,603	32,947,056
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	11,365,497,175	10,882,757,944

### 18. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2013 VND	Quý 4 năm 2012 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	7,070,026,124	8,050,612,126
Cộng	7,070,026,124	8,050,612,126

### 19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2013 VND	Quý 4 năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	198,176,626	618,856,856
Cộng	198,176,626	618,856,856

### 20. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2013 VND	Quý 4 năm 2012 VND
--	--------------------------	--------------------------

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Lãi tiền vay	-	
Chiết khấu thanh toán	(246,831)	(44,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>(246,831)</b>	<b>(44,000,000)</b>

### 21. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Quý 4 năm 2013 VND	Quý 4 năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	763,433,769	1,501,923,169
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	-	-
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	763,433,769	1,501,923,169
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	700,696,333	(463,262,019)
- Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/TT - BTC	-	-
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	700,696,333	(463,262,019)
Thuế TNDN truy thu năm 2006 - 2008	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>62,737,436</b>	<b>1,965,185,188</b>

### 22. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
CTy CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

CTY CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
CTy CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

**b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị</b>
<b>Bán hàng</b>		
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	3,988,666,612
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	3,828,409,780
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	123,703,400
CTY CP Sách TBGD miền Bắc	Cung ứng sách tham khảo	92,587,860
CTY CP Sách Dân Tộc	Cung ứng sách tham khảo	27,664,821
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	14,586,214,757
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	722,276,397
<b>Mua hàng</b>		
CTY CP Bản Đồ & Tranh ảnh GD	Nhập sách tham khảo	3,376,156,971
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách tham khảo	3,362,556,055
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	6,104,675,510
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Nhập sách tham khảo	1,131,506,550
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách tham khảo, giáo	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

	khoa	3,423,853,213
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Nhập sách tham thảo	503,282,457
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách tham thảo	626,224,220
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tiền bản thảo	1,792,454,388
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách tham thảo, giáo khoa	3,657,360,081

**c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu, phải trả với các bên liên quan như sau:**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán		
NXBGD tại TPHCM	Phải trả người bán		435,491,280
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Phải thu khách hàng	808,184,751	
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán		824,993,955
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Phải trả người bán		394,170,090
CTY CP Học liệu (EMCO)	Phải thu khách hàng		
CTY CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán		69,377,142
CTY CP Sách Dân Tộc	Phải trả người bán		305,275,813
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Phải thu khách hàng	391,847,806	
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Phải thu khách hàng		85,838,671
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Phải trả người bán		163,055,269
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Phải thu khách hàng		
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán		92,070,192
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng		
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	137,790,884	

**23. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của quý IV/2013 kết thúc ngày 31/12/2013 chưa được kiểm toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Thị Chung

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
---oOo---

Số: .....<sup>29</sup>...../SGD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 1 năm 2014

V/v: Giải trình chênh lệch 10% LNST

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên đơn vị niêm yết: Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh

2. Mã chứng khoán: SGD

3. Địa chỉ trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.HCM

4. Điện thoại: 08.38335798 Fax: 08.39381631

Nội dung giải trình Báo cáo tài chính Quý 4/2013:

Lợi nhuận sau thuế quý 4/2013 là 62.737.436 đồng

Lợi nhuận sau thuế quý 4/2012 là 1.965.185.188 đồng

LNST quý 4/2013 giảm so với cùng kì 2012 do quý 4/2012 có tiền hỗ trợ, đền bù di dời văn phòng Công ty.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung công bố.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu

Giám đốc



Nguyễn Thị Chung



Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH  
Số: *48*.../SGD  
V/v công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 1 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh
  2. Mã chứng khoán: SGD
  3. Trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
  4. Điện thoại: 08.38323557-38352845 Fax: 08.3 8307141
  5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Cảnh Toàn**
  6. Nội dung của thông tin công bố:
    - Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh được lập ngày 15/1/2013, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC
    - Báo cáo giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2013 so với cùng kì năm 2012.
- (Văn bản này thay thế cho văn bản số 23/SGD ngày 15 tháng 1 năm 2014)

7. Địa chỉ website đăng tải nội dung báo cáo tài chính: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu



Người thực hiện công bố thông tin

Phạm Cảnh Toàn